

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2026

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Li Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh 1995; địa chỉ: Thôn L (nay là thôn B), xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn V (nay là thôn B), xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2026; các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/01/2019, đến ngày 27/9/2021 chị và anh Phạm Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là xã B), tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung với nhau nữa và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình và lối sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đã về chung sống với cha, mẹ đẻ tại [thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi](#). Vì vậy, chị yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh [Phạm Văn Đ](#) để chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị và anh [Đ](#) tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh [Phạm Văn Đ](#) nhưng anh [Đ](#) không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Phạm Thị T](#). Về quan hệ hôn nhân: Chị [Phạm Thị T](#) được ly hôn anh [Phạm Văn Đ](#); về con chung, nợ chung: Chị [T](#) trình bày không có nên không xem xét; về tài sản chung: Chị [T](#) không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị [T](#) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị [Phạm Thị T](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh [Phạm Văn Đ](#) và trình bày vợ chồng không có con chung, nợ chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị [Phạm Thị T](#) khởi kiện thì bị đơn anh [Phạm Văn Đ](#) có nơi cư trú tại [thôn V \(nay là thôn B\), xã B, tỉnh Quảng Ngãi](#). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi thụ lý, giải

quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là xã B), tỉnh Quảng Ngãi ngày 27/9/2021. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 9/2023 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Đ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với anh Phạm Văn Đ, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa nên có thể xác định anh Phạm Văn Đ không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Đ.
2. Về con chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001562 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Ba Tô;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong